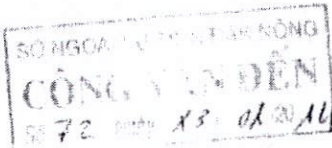


Số: 01 /2014/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 07 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 589/TTr-SNGV ngày 23 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND ngày 24/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- IT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Công báo Đắk Nông; Cổng TT Điện tử;
- Báo Đắk Nông, Chi cục Văn thư lưu trữ;
- PCVP; Trần Văn Thương;
- Lưu VT, VX, Nc.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Diễm

QUY CHẾ

Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Ban hành kèm theo Quyết định số **01** /2014/QĐ-UBND ngày **07**/01/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung quản lý; thẩm quyền quyết định; trình tự thủ tục và trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức khác và cá nhân có liên quan đến các hoạt động đối ngoại (sau đây gọi tắt là các tổ chức, cá nhân).

Điều 2. Nội dung hoạt động đối ngoại

1. Các hoạt động hợp tác, giao lưu với nước ngoài về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

2. Tổ chức và quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra) và đón tiếp các đoàn nước ngoài vào Việt Nam (đoàn vào).

3. Tiếp nhận các hình thức khen thưởng của nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng.

4. Kiến nghị tặng, xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh cho những tập thể, cá nhân người nước ngoài đã và đang làm việc tại tỉnh có thành tích xuất sắc được công nhận.

5. Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.

6. Ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế.

7. Hoạt động đối ngoại liên quan đến công tác quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia.

8. Quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài ở địa phương.

9. Công tác ngoại giao kinh tế; công tác quản lý, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

10. Công tác văn hóa đối ngoại.

11. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

12. Thông tin tuyên truyền đối ngoại và quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phòng viên nước ngoài tại tỉnh.

13. Theo dõi, tổng hợp thông tin về tình hình quốc tế và khu vực có tác động đến tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc lãnh đạo và quản lý hoạt động đối ngoại

1. Bảo đảm tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước trong hoạt động đối ngoại.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại địa phương, sự phối hợp nhịp nhàng giữa Trung ương và địa phương.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại, văn hóa đối ngoại và công tác người Việt Nam ở nước ngoài; giữa hoạt động đối ngoại và hoạt động quốc phòng, an ninh; giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

4. Hoạt động đối ngoại được thực hiện theo chương trình hàng năm đã được duyệt; bảo đảm nghiêm túc chế độ báo cáo, xin ý kiến theo quy định hiện hành.

5. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm và vai trò chủ động của thủ trưởng các cơ quan trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đối ngoại theo quy định; bảo đảm sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động đối ngoại.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định về hoạt động đối ngoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người phát ngôn chính thức của Ủy ban nhân dân tỉnh về đối ngoại; quyết định và chịu trách nhiệm về các nội dung hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 2 Quy chế này và các hoạt động đối ngoại khác phát sinh trong quá trình quản lý nhà nước.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Ngoại vụ:

a) Là người phát ngôn trong các lĩnh vực về công tác lãnh sự và lễ tân ngoại giao của tỉnh;

b) Cho phép cán bộ, công chức, viên chức không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý đi nước ngoài thăm thân nhân, du lịch, chữa bệnh hoặc giải quyết các việc riêng khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Cho phép người nước ngoài đến làm việc tại các dự án ODA, FDI, NGOs và các dự án khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn tỉnh mà không thuộc diện phải cấp giấy phép lao động; cho phép thương nhân người nước ngoài đến tìm hiểu cơ hội đầu tư, mua bán hàng hoá, xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại khác khi được chỉ định.

Chương II

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 5. Xây dựng chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm

1. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng nội dung, chương trình hoạt động đối ngoại quy định tại Điều 4 Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các cơ quan có liên quan dự kiến nội dung chương trình hoạt động đối ngoại năm sau của đơn vị mình gửi đến Sở Ngoại vụ trước ngày 01/10 hàng năm để tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở cho hoạt động đối ngoại của năm kế tiếp.

Điều 6. Thực hiện chương trình đối ngoại

1. Căn cứ vào chương trình, kế hoạch đối ngoại đã được phê duyệt, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các cơ quan có liên quan xây dựng đề án hoạt động đối ngoại để tổ chức thực hiện (theo Phụ lục 3); khi có các vấn đề phát sinh ngoài chương trình, chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối với các hoạt động đối ngoại liên quan đến các vấn đề phức tạp như dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, chủ quyền lãnh thổ quốc gia và quan hệ đối ngoại với một số đối tác nước ngoài, Sở Ngoại vụ chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến Bộ Ngoại giao và Thường trực Tỉnh ủy trước khi thực hiện.

Điều 7. Tổ chức triển khai chương trình, nội dung đi công tác nước ngoài của lãnh đạo tỉnh

1. Cơ quan tổ chức đoàn ra phải lập chương trình, kế hoạch chi tiết về nội dung và hình thức thực hiện (gồm đoàn chính thức, người phục vụ và doanh nghiệp cùng đi, biên dịch, phiên dịch, nguồn kinh phí, phương tiện đi chuyên, lịch trình làm việc, đối tác làm việc...) gửi đến Sở Ngoại vụ để thẩm tra, đề xuất và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Quá trình thực hiện phải tuân thủ chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt, trường hợp đặc biệt phải thay đổi để đảm bảo yêu cầu ngoại giao phải được sự đồng ý của trưởng đoàn.

2. Sở Ngoại vụ giải quyết một số vấn đề liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh thuộc thẩm quyền, đồng thời liên hệ, tham khảo ý kiến các cơ chức năng trong và ngoài nước đảm bảo các điều kiện phục vụ chuyển đi an toàn, đạt hiệu quả cao.

3. Trưởng đoàn công tác chỉ định cơ quan chuyên môn chuẩn bị nội dung, tài liệu và các điều kiện cần thiết khác phục vụ cho công tác.

Chương III

QUẢN LÝ ĐOÀN VÀO VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 8. Đón tiếp khách quốc tế đến thăm và làm việc tại tỉnh

1. Khách nước ngoài đến thăm và làm việc với Lãnh đạo tỉnh: Khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền, Sở Ngoại vụ căn cứ vào tính chất, nội dung làm việc, đối tượng khách xây dựng chương trình đón tiếp và làm việc trình người có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Ngoại vụ triển khai chương trình đón tiếp và làm việc đảm bảo an toàn, chu đáo, theo quy định đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến thăm, làm việc tại tỉnh Đắk Nông.

2. Khách nước ngoài đến thăm và làm việc với các cơ quan nhà nước: Cơ quan mời đoàn vào xây dựng kế hoạch đón tiếp và gửi đến Sở Ngoại vụ để lấy ý kiến, đồng thời hướng dẫn công tác lễ tân ngoại giao, biên dịch, phiên dịch khi cần thiết, bảo đảm tinh thần trọng thị, chu đáo, tiết kiệm; thực hiện đúng theo nội dung chương trình, kế hoạch đã được thống nhất với các bên có liên quan; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả làm việc thông qua Sở Ngoại vụ để tổng hợp.

Điều 9. Thủ tục cho phép người nước ngoài, tổ chức nước ngoài đến làm việc trên địa bàn tỉnh

Tổ chức, cá nhân mời người nước ngoài, tổ chức nước ngoài đến làm việc trên địa bàn tỉnh phải gửi hồ sơ đến Sở Ngoại vụ trước ngày dự kiến đến ít nhất 15 ngày làm việc theo quy định sau đây:

1. Hồ sơ gồm

a) Văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh nêu rõ họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, nơi cư trú của cá nhân người nước ngoài hoặc lý lịch của tổ chức nước ngoài (nếu nhân danh tổ chức), mục đích và nội dung đến làm việc, nơi đến, thành phần, số lượng người nước ngoài, thời gian làm việc cụ thể, chi tiết;

b) Bản sao hộ chiếu của người nước ngoài;

c) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt động, giấy phép lập văn phòng dự án, giấy phép lập văn phòng đại diện hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh là tổ chức được thành lập, công nhận hợp pháp (nếu nhân danh tổ chức).

2. Trình tự và thời gian giải quyết

a) Trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Ngoại vụ phải nghiên cứu, thẩm tra, đề xuất và tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đề nghị của cơ quan, đơn vị. Trong trường hợp cần phải có ý kiến xác minh, thẩm tra của Công an tỉnh hoặc ý kiến của các cơ quan có liên quan, thì thời gian giải quyết là 8 ngày làm việc;

b) Các cơ quan có liên quan được hỏi ý kiến trong thời hạn 5 ngày làm việc phải trả lời Sở Ngoại vụ bằng văn bản;

c) Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi có văn bản tham mưu, đề xuất của Sở Ngoại vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản đồng ý hoặc không đồng ý.

3. Ý kiến đề xuất, tham mưu của Sở Ngoại vụ là cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép người nước ngoài, đại diện tổ chức nước ngoài đến làm việc, nhằm bảo đảm tính liên tục và thống nhất trong quá trình giải quyết và phối hợp quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước. Các tổ chức, cá nhân không được tiếp đón và làm việc với người nước ngoài, đại diện tổ chức nước ngoài khi chưa có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Đối với viên chức lãnh sự, viên chức ngoại giao, cán bộ ngoại giao, phóng viên báo chí nước ngoài, đoàn làm phim nước ngoài đến thực hiện chức năng lãnh sự, chức năng ngoại giao, tác nghiệp trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo trực tiếp bằng văn bản.

Điều 10. Cấp giấy phép lao động cho lao động người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện cấp giấy phép lao động, gia hạn giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động cho lao động người nước ngoài theo quy định; tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến pháp luật lao động Việt Nam liên quan trực tiếp đến lao động người nước ngoài và tổ chức sử dụng lao động nước ngoài; tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình tuyển dụng, sử dụng và quản lý lao động người nước ngoài của người sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh, hàng quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban quản lý các khu công nghiệp thực hiện cấp giấy phép lao động, ~~gia hạn giấy phép lao động~~, cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong các khu công nghiệp; hàng quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình sử dụng lao động nước ngoài của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

3. Người nước ngoài thuộc diện phải cấp giấy phép lao động theo quy định của pháp luật về lao động, trước khi đến làm việc trên địa bàn tỉnh phải nộp hồ sơ xin cấp giấy phép lao động tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Người sử dụng lao động ngoài việc phải tuân thủ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 9 của Quy chế này, phải thực hiện thủ tục đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài được tuyển dụng trước khi người nước ngoài đến làm việc trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Phối hợp quản lý cư trú và hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Công an tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh; giải quyết, xử lý các vụ việc phát sinh đối với người nước

QUẢN LÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN THỎA THUẬN QUỐC TẾ
TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ
Chương IV

Điều 12. Quyết định ký kết thỏa thuận quốc tế

ngoài, tổ chức nước ngoài liên quan đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Tiếp nhận hồ sơ, xem xét cấp thị thực, gia hạn thị thực theo quy định sau khi người lao động nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lao động hoặc cấp lại giấy phép lao động. Không gia hạn tạm trú, buộc xuất cảnh đối với người nước ngoài không có giấy phép lao động, giấy phép lao động hết hiệu lực hoặc vô hiệu.

2. Sở Ngoại vụ là đầu mối liên lạc với cơ quan đại diện ngoại giao nước có công dân, Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh và Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao để giải quyết các vấn đề về lãnh sự; hướng dẫn các vấn đề liên quan đến nhân thân, tài sản, di sản, làm ăn, sinh sống, học tập, công tác, du lịch của người nước ngoài, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo pháp luật Việt Nam; phối hợp với cơ quan có liên quan bảo vệ, hỗ trợ cá nhân, tổ chức nước ngoài khi cần thiết.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ hoạt động đối ngoại tại địa phương, đồng thời cử cán bộ phụ trách công tác ngoại vụ để phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan hướng dẫn, quản lý hoạt động của người nước ngoài, tổ chức nước ngoài trên địa bàn và các hoạt động liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài.

4. Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã trên cơ sở thông tin nhân được từ các vụ việc như hòa hoãn, thiện tai, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, vi phạm hành chính, bị thương, bị chết, bị bắt quả tang, bắt khám cấp, bị tạm giữ, tạm giam... liên quan đến người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm thông báo ngay cho Sở Ngoại vụ để báo cáo cấp có thẩm quyền hoặc thực hiện thông báo lãnh sự đúng với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thông lệ quốc tế khác.

5. Sở Ngoại vụ chủ trì cùng với Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các huyện, thị xã tổ chức đường dây điện thoại nóng để trao đổi thông tin về các vụ việc liên quan đến người nước ngoài, yêu tố nước ngoài trong giới nghỉ, ngày nghỉ, ngày Lễ để báo cáo cấp có thẩm quyền kịp thời và chính xác, đồng thời thực hiện cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.

6. Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ chủ động phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Các quy định khác thực hiện theo Quy chế phối hợp quản lý người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh theo các quy định tại Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, yêu cầu cơ quan dự thảo thỏa thuận quốc tế hoàn thiện dự thảo theo ý kiến của các cơ quan chức năng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký kết.

Điều 13. Trình tự và thủ tục tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh được tiến hành xuất phát từ nhu cầu hợp tác quốc tế của Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình hoạt động theo thẩm quyền được giao.

Các ngành, địa phương, đơn vị có nhu cầu hợp tác phát triển hoặc đối tác nước ngoài đề nghị ký kết thỏa thuận quốc tế phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản bao gồm những nội dung sau:

a) Yêu cầu, mục đích, lý do của việc ký kết thỏa thuận quốc tế, nội dung cơ bản của thỏa thuận quốc tế;

b) Dự thảo thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài có bản dịch tiếng Việt kèm theo;

c) Đánh giá tác động của thỏa thuận quốc tế dự định ký kết về mặt chính trị, kinh tế - xã hội, tài chính và các tác động khác.

2. Sở Ngoại vụ xin ý kiến Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành quản lý lĩnh vực ký kết và các cơ quan có liên quan, hoàn thiện nội dung dự thảo thỏa thuận quốc tế, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp đàm phán, ký kết hoặc ủy quyền cho một người khác đàm phán, ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trong trường hợp có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan được lấy ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến về việc ký kết thỏa thuận quốc tế; ý kiến của Thủ tướng Chính phủ là cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ký kết thỏa thuận quốc tế.

5. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Ngoại giao bản sao thỏa thuận quốc tế đã được ký kết để thông báo; quản lý và lưu trữ các thỏa thuận quốc tế theo các quy định hiện hành, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các thỏa thuận quốc tế đã ký kết, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời chỉ đạo.

Điều 14. Quyết định tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và chủ trì việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc các trường hợp sau đây:

a) Hội nghị, hội thảo quốc tế có thành viên tham gia là Tỉnh trưởng, Thị trưởng hoặc chức vụ tương đương của địa phương các nước, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế; các hội nghị, hội thảo của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài tại Việt Nam tổ chức trên địa bàn tỉnh;

b) Hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến các vấn đề quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương để các cơ quan, đơn vị, các tổ chức nước ngoài được tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn hoặc hoạt động của mình nhưng phải phù hợp với truyền thống văn hóa Việt Nam và các mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Hội nghị, hội thảo quốc tế thực hiện theo đúng đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kết thúc hội nghị, hội thảo trong phạm vi 15 ngày, phải báo cáo kết quả đến Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Ngoại vụ để tổng hợp, theo dõi.

Điều 15. Hồ sơ, thủ tục xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế

1. Văn bản xin chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế bao gồm những nội dung được quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam, trong đó có báo cáo cụ thể một số điểm sau đây:

a) Thành phần tham dự là người nước ngoài phải có danh sách ghi rõ họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, chức danh, nơi làm việc, nếu nhân danh tổ chức thì ghi rõ lý lịch của tổ chức đó;

b) Thông tin đầy đủ về người báo cáo, thuyết minh, trình bày tại hội nghị, hội thảo là người nước ngoài;

c) Nếu kinh phí được tài trợ phải ghi rõ tổ chức tài trợ, nếu có nguồn gốc từ nước ngoài phải ghi rõ quốc tịch của nguồn tài trợ.

2. Nội dung cụ thể sẽ được trình bày trong hội nghị, hội thảo quốc tế; gửi kèm theo tài liệu, tập gấp, tờ rơi, hình ảnh, video minh họa, nếu là tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt hoặc phụ đề tiếng Việt (nếu có).

3. Ý kiến của các Bộ, ngành, các cơ quan trong lĩnh vực, chuyên ngành có liên quan đến hội nghị, hội thảo quốc tế (do cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo lấy ý kiến).

4. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức quốc tế chủ trì tổ chức hội nghị, hội thảo phải nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bản sao giấy phép hoạt động, giấy phép lập văn phòng đại diện hoặc giấy tờ chứng minh đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động tại Việt Nam.

5. Sở Ngoại vụ là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức nghiên cứu, thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; Ủy ban nhân dân tỉnh ra văn bản phê duyệt

hoặc không phê duyệt hồ sơ trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản tham mưu, đề xuất của Sở Ngoại vụ. Các cơ quan trong tỉnh được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

Chương V

CÔNG TÁC KINH TẾ ĐỐI NGOẠI, VĂN HÓA ĐỐI NGOẠI, THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN ĐỐI NGOẠI

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong hoạt động kinh tế đối ngoại

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tổng hợp, đánh giá tình hình kinh tế trong và ngoài nước có tác động tới sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chủ trì soạn thảo chiến lược và kế hoạch thu hút, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, hướng dẫn các Sở, ngành xây dựng danh mục và nội dung các chương trình sử dụng vốn ODA hàng năm; là cơ quan đầu mối chuẩn bị tổ chức vận động và điều phối nguồn vốn phù hợp với danh mục, chương trình dự án ưu tiên vận động vốn ODA và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); trực tiếp thực hiện quản lý nhà nước đối với dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngoài khu công nghiệp;

b) Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện và đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các chương trình, dự án ODA, FDI, định kỳ 6 tháng và hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện;

c) Tổ chức thẩm định các dự án ODA, FDI, NGOs theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả thẩm định đến Ủy ban nhân dân tỉnh. Hàng năm, chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Công thương tham mưu, xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại ở nước ngoài trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

2. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tăng cường công tác ngoại giao kinh tế và mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thương mại. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế cho các cơ quan và doanh nghiệp trong tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Điều 17. Vận động, ký kết, thực hiện và quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiếp nhận và thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các cơ quan, đơn vị thực hiện.

Các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài khi xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật và cam kết với bên tài trợ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Không tiếp nhận các khoản viện trợ phi

chính phủ nước ngoài ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Ban công tác phi chính phủ nước ngoài chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương chủ động xây dựng chương trình vận động viện trợ, lập dự án phù hợp với định hướng các lĩnh vực vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của tỉnh và những vấn đề ưu tiên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương. Trên cơ sở đó, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Ngoại vụ tổ chức các hình thức quan hệ và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài; danh mục dự án vận động, kêu gọi viện trợ phi chính phủ nước ngoài phải được bổ sung theo từng giai đoạn tùy thuộc vào tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị mình.

3. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối trong quan hệ công tác và thực hiện quản lý nhà nước đối với toàn bộ hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh; tham mưu, đề xuất Ban công tác phi chính phủ nước ngoài kêu gọi cứu trợ khẩn cấp khi cần thiết, căn cứ vào mức độ thiệt hại về người, tài sản đối với từng vùng, địa phương bị thiên tai hoặc thảm họa khác.

Tổ chức tiếp nhận các khoản viện trợ nước ngoài phi dự án (bao gồm cả cứu trợ khẩn cấp); làm đầu mối tiếp nhận tình nguyện viên của các tổ chức nước ngoài đến làm việc tại tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý; phối hợp với các ngành và địa phương liên quan thực hiện các chương trình xúc tiến kinh tế đối ngoại; cung cấp thông tin liên quan đến các đối tác nước ngoài tại địa phương khi cần xác minh.

Điều 18. Công tác văn hóa đối ngoại và ngoại giao văn hóa

1. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện ngoại giao văn hóa hàng năm và dài hạn phù hợp với Chiến lược ngoại giao văn hóa của tỉnh Đắk Nông.

3. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai các hoạt động văn hoá đối ngoại của tỉnh, xây dựng và thực hiện các hoạt động văn hóa đối ngoại hàng năm và dài hạn phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ; phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động du lịch, giao lưu thể thao - văn hóa với các quốc gia trong khu vực.

3. Sở Tài chính bảo đảm các điều kiện về tài chính, vật chất để công tác văn hóa đối ngoại và ngoại giao văn hóa hoạt động hiệu quả bằng các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Điều 19. Công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại

1. Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan quản lý hoạt động của phòng viên báo chí nước ngoài, đoàn làm phim nước ngoài đến tác nghiệp tại tỉnh theo

quy định của pháp luật; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phản bác kịp thời các thông tin sai lệch, xuyên tạc, chống phá chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Công thông tin điện tử, Báo Đắk Nông xây dựng và thực hiện chương trình tuyên truyền đối ngoại hàng năm, các nội dung để quảng bá hình ảnh, con người, văn hóa của tỉnh đến nhiều nước trên thế giới; đưa tin kịp thời các hoạt động đối ngoại của các đồng chí lãnh đạo tỉnh, các đoàn quốc tế tại địa phương. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị của tỉnh.

Việc đưa tin, bình luận các vấn đề liên quan đến yếu tố nước ngoài; các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, nhân quyền; về biên giới lãnh thổ phải được thẩm tra, xác minh chính xác nguồn tin, nếu thấy cần thiết phải xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi đưa tin.

3. Định kỳ 3 tháng một lần, Sở Ngoại vụ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan giao ban, xin ý kiến Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn, định hướng thông tin đối ngoại của tỉnh. Xây dựng trang thông tin điện tử thực hiện chức năng thông tin đối ngoại của tỉnh, cử cán bộ tham gia làm báo cáo viên của Tỉnh ủy.

4. Các hoạt động khác liên quan đến thông tin đối ngoại thực hiện theo Quy định quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương VI

CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN

Điều 20. Nhiệm vụ của đối ngoại nhân dân

1. Chủ động mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước, vừa chú trọng đi vào chiều sâu với các đối tác quan trọng, gồm: Các nước láng giềng, các đối tác mới và mối quan hệ truyền thống đã có.

2. Nghiên cứu đối mới nội dung, phương thức, đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động, loại hình hoạt động; thúc đẩy hợp tác về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ; phát triển lực lượng cộng tác viên gồm những người có quá trình làm việc, kinh nghiệm và uy tín trong hoạt động đối ngoại, vận động các nhân sĩ, trí thức, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc, các chức sắc tôn giáo tham gia, tạo sự chuyển biến về công tác đối ngoại nhân dân.

3. Nâng cao tính chủ động và hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân của các đoàn thể, các tổ chức quần chúng trong các lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, chống diễn biến hòa bình, bảo vệ môi trường hòa bình để xây dựng đất nước, hỗ trợ và phối hợp với đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền đối ngoại đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh nhằm nâng cao nhận thức về tình hình quốc tế và khu vực; vận động nhân dân tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại nhân dân, bày tỏ thiện chí đoàn kết, hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển với nhân dân thế giới, tập hợp các

tổ chức xã hội, các giới, các tầng lớp nhân dân và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Điều 21. Nội dung quản lý hoạt động đối ngoại nhân dân

1. Phối hợp trong công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác đối ngoại nhân dân; tổ chức các hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới; vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh bảo đảm lợi ích của đất nước, đoàn kết quốc tế, ủng hộ phong trào dân chủ, hòa bình và tiến bộ trên thế giới.

2. Khai thác có hiệu quả và quản lý chặt chẽ các nguồn lực viện trợ và hợp tác của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức nhân dân, góp phần vào quá trình xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Rà soát và ban hành những văn bản pháp lý trong công tác chỉ đạo, kiến toàn củng cố và phát triển bộ máy cán bộ, lực lượng làm công tác đối ngoại nhân dân. Bố trí, đào tạo đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, có nghiệp vụ đối ngoại, giỏi ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu của công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Ngoại vụ thường xuyên phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia theo dõi việc thực hiện Điều 21 Quy chế này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo theo thẩm quyền.

2. Sở Y tế xây dựng kế hoạch và tổ chức các đoàn cán bộ y tế đến khám chữa bệnh cho nhân dân tỉnh Mondulhiri, đồng thời tổ chức tiếp đón nhân dân vùng biên giới đến các cơ sở y tế của tỉnh để khám chữa bệnh, nhằm phục vụ cho nhiệm vụ đối ngoại nhân dân, hỗ trợ cho các hoạt động đối ngoại khác.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao hoà bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hướng dẫn các hội, đoàn thể và các tổ chức thành viên hàng năm có trách nhiệm tổ chức các hoạt động hoà bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác trong khuôn khổ chức năng và nhiệm vụ của mình. Tổ chức tuyên truyền vận động hội viên tham gia các hoạt động ủng hộ phong trào dân chủ, hòa bình và tiến bộ trên thế giới, đồng thời tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Sở Ngoại vụ thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh trong hoạt động quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại nhân dân; đồng thời thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân.

Điều 23. Công tác người Việt Nam ở nước ngoài

1. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về chiến lược đối với người Việt Nam ở nước ngoài nhằm thu hút các nguồn lực kinh tế, khoa học kỹ thuật phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chỉ đạo việc nghiên cứu, đánh giá công tác về người Việt Nam ở nước ngoài, đề xuất và xây dựng các chính sách liên quan đến công tác này.

Trực tiếp tham gia hỗ trợ, hướng dẫn việc thực hiện chính sách của Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài; tuyên truyền, vận động người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức kinh tế của người Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc, tham gia hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình thân nhân của họ cũng như của địa phương nơi chung, góp phần tham gia xây dựng, củng cố và phát triển các mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị với bạn bè quốc tế.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, các cơ quan có liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp, hỗ trợ khi phí bảo vệ quyền lợi của người Việt Nam ở nước ngoài nhất là các địa phương có chung đường biên giới quốc gia với tỉnh. Hằng năm, tham mưu Lãnh đạo tỉnh tổ chức gặp mặt người Việt Nam ở nước ngoài về thăm quê hương trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chủ động tổ chức các hoạt động hoà bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác nhằm phục vụ yêu cầu hợp tác, phát triển địa phương mình và có trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin về người Việt Nam ở nước ngoài, thân nhân của người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, chỉ đạo công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

Chương VII

QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI KHÁC

Điều 24. Tổ chức và quản lý các hoạt động liên quan đến chủ quyền biên giới lãnh thổ

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác biên giới lãnh thổ quốc gia; phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá tình hình công tác đối ngoại trong quản lý bảo vệ biên giới lãnh thổ quốc gia, đề xuất ý kiến và các biện pháp quản lý thích hợp, tham gia xây dựng phương án giải quyết vấn đề biên giới với nước liên quan; theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Ngoại giao tình hình thực hiện phân giới cắm mốc biên giới quốc gia, Hiệp định về Quy chế biên giới Việt Nam - Campuchia và các tranh chấp biên giới phát sinh trong quá trình quản lý.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tham mưu thực hiện công tác đối ngoại theo phân cấp của Chính phủ và Bộ Quốc phòng, nội dung cụ thể của hoạt động đối ngoại quân sự theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

3. Ủy ban nhân dân các huyện biên giới theo dõi, đánh giá tình hình công tác đối ngoại biên giới do địa phương quản lý; phối hợp với Sở Ngoại vụ, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh và các ngành liên quan trong các hoạt động đối ngoại về biên giới lãnh thổ quốc gia và đối ngoại nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức đối ngoại

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ đánh giá hiện trạng, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, kiến thức đối ngoại, kinh tế đối ngoại, hội nhập quốc tế cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức làm công tác ngoại vụ trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch đào tạo hàng năm của tỉnh.

2. Sở Ngoại vụ phối hợp Bộ Ngoại giao, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức ngoại vụ và ngoại ngữ... theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 26. Việc tiếp nhận huân huy chương hoặc danh hiệu khác của nước ngoài tặng

Tổ chức, cá nhân được nước ngoài tặng thưởng huân huy chương hoặc danh hiệu khác phải báo cáo Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản nêu rõ lý do, thành tích hay các cống hiến được nước ngoài ghi nhận; loại huân, huy chương được nhận, thời gian, địa điểm nhận.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh được nhận huân chương, huy chương và các danh hiệu khác của nước ngoài trao tặng theo các quy định hiện hành.

Điều 27. Việc xét tặng các hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân nước ngoài có thành tích xuất sắc.

1. Tập thể, cá nhân nước ngoài có thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh; có nhiều đóng góp trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; có công giữ gìn, phát huy, quảng bá hình ảnh văn hóa, tập quán của nhân dân các dân tộc tỉnh Đắk Nông đến với bạn bè và các dân tộc khác trên thế giới được xét tặng, công nhận các hình thức khen thưởng xứng đáng.

2. Sở Ngoại vụ phối hợp với Ban thi đua khen thưởng và các cơ quan có liên quan lựa chọn, đề xuất, thẩm tra các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích mà tập thể, cá nhân nước ngoài đạt được nhằm khuyến khích, động viên tinh thần lao động và thắt chặt mối quan hệ hữu nghị giữa tỉnh Đắk Nông và các dân tộc trên thế giới.

Chương VIII

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO, KIỂM TRA, THANH TRA

Điều 28. Báo cáo tình hình hoạt động đối ngoại

1. Sau khi kết thúc một hoạt động đối ngoại (đón tiếp đoàn vào, tổ chức đoàn ra, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, ký kết các thỏa thuận quốc tế, các

vấn đề khác liên quan đến yếu tố nước ngoài...) cơ quan, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo kịp thời với cơ quan có thẩm quyền bằng văn bản theo quy định phân cấp tổ chức và quản lý cán bộ, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ để tổng hợp, theo dõi và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị trong tháng có hoạt động liên quan đến nước ngoài khi gửi báo cáo hàng tháng cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ để tổng hợp.

3. Định kỳ 6 tháng và hàng năm các cơ quan, đơn vị lập báo cáo tình hình hoạt động đối ngoại của đơn vị mình gửi đến Sở Ngoại vụ để tổng hợp báo cáo Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo tình hình hoạt động đối ngoại hàng năm gửi kèm theo chương trình hoạt động đối ngoại của năm sau (theo mẫu tại phụ lục 1 và phụ lục 2).

Điều 29. Việc kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Ngoại vụ tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực ngoại vụ, biên giới theo quy định của pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất về tuyển dụng, sử dụng và quản lý lao động người nước ngoài phải có kế hoạch thành lập đoàn liên ngành để đảm bảo sự thống nhất, không chồng chéo, gây phiền hà cho các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, thanh tra và phải có sự tham gia của cơ quan ngoại vụ để đảm bảo khách quan, minh bạch, tránh xảy ra những sự cố ngoại giao.

Chương IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Ngoại vụ theo dõi việc thực hiện Quy chế này và các văn bản liên quan về công tác đối ngoại của các tổ chức và cá nhân trong tỉnh; hướng dẫn các ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện hiệu quả các nội dung hoạt động đối ngoại; chủ động phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong việc thực hiện các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Quy chế này, định kỳ tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Quy chế, đề xuất việc khen thưởng, kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích hoặc vi phạm Quy chế đến các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng và kỷ luật để xem xét, quyết định.

2. Các Sở, ngành có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, bố trí cán bộ theo dõi, thực hiện công tác ngoại vụ của cơ quan, đơn vị.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên là căn cứ ban hành Quy chế này hết hiệu lực do có văn bản mới thay thế hoặc được bổ sung, sửa đổi thì sẽ được thực hiện theo các quy định mới

nhất; nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh đến Sở Ngoại vụ để tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn hoặc xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung.

4. Các hoạt động đối ngoại khác không nêu trong Quy chế này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Diễn
Lê Diễn